

Chuyên đề: KHAI SINH

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG	Trang: 02
II. ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO TRẺ EM (người dưới 16 tuổi)	Trang: 03
1. Quy định chung	Trang 03
2. Các nội dung trong Giấy đăng ký khai sinh và cách xác định	Trang 13
3. Một số trường hợp đặc biệt trong đăng ký khai sinh	Trang 20
4. Quy trình liên thông điện tử Nhóm thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi từ ngày 01/7/2024	Trang 26
III. ĐĂNG KÝ KHAI SINH (01) CHO NGƯỜI ĐÃ CÓ GIẤY TỜ CÁ NHÂN; (02) ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH	Trang 30
IV. GHI VÀO SỔ ĐĂNG KÝ KHAI SINH VIỆC THAY ĐỔI CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN THEO BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN	Trang 37
V. GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC KHAI SINH ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ Ở NƯỚC NGOÀI	Trang 40
VI. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN	Trang 42
VII. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG VỀ SỐ ĐỊNH DANH	Trang 43
1. Phần mềm hộ tịch báo lỗi khi đề nghị cấp số định danh	Trang 53
2. Các trường hợp đăng ký sai giới tính, năm sinh và đã được cấp số định danh, nay cải chính thì phải hủy số định danh cũ, cấp lại số mới; 01 người có 02 số định danh...	Trang 53

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Khái niệm	Đăng ký khai sinh là việc Nhà nước ghi nhận sự ra đời, tồn tại của một con người với những thông tin cơ bản nhất (<i>họ tên, ngày tháng năm sinh, dân tộc, quốc tịch, số định danh, cha mẹ, ngày tháng năm đăng ký khai sinh, người đi đăng ký khai sinh....</i>).
Giá trị pháp lý của Giấy khai sinh	1. Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân. 2. Mọi hồ sơ, giấy tờ khác có nội dung về <i>họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con</i> phải phù hợp với Giấy khai sinh của người đó. 3. Nếu nội dung trong hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác với nội dung trong Giấy khai sinh của người đó thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý hồ sơ hoặc cấp giấy tờ có trách nhiệm điều chỉnh hồ sơ, giấy tờ theo đúng nội dung trong Giấy khai sinh (<i>không được điều chỉnh Giấy khai sinh</i>). (Điều 6 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP)
Các loại đăng ký khai sinh	1. Đăng ký khai sinh cho trẻ em (<i>là người dưới 16 tuổi</i>)¹. 2. Đăng ký khai sinh cho người chưa từng đăng ký khai sinh nhưng đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân 3. Đăng ký lại khai sinh cho người đã từng đăng ký khai sinh nhưng bản chính bị mất/bị hư hỏng và UBND cấp xã hiện không còn lưu Sổ đăng ký khai sinh thời kỳ đó.

¹ Theo Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016

II. ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO TRẺ EM (người dưới 16 tuổi)

1. Quy định chung

<i>Quyền được khai sinh</i>	Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh (<i>khoản 1 Điều 30 Bộ luật Dân sự năm 2015</i>). Nên trẻ có cả cha, mẹ; trẻ chưa xác định được cha/mẹ hoặc chưa xác định được cả cha mẹ; trẻ bị bỏ rơi... đều có quyền được đăng ký khai sinh.
<i>Đối tượng phải đăng ký khai sinh</i>	Trẻ em sinh ra mà sống từ 24 giờ trở lên (<i>khoản 3 Điều 30 Bộ luật Dân sự năm 2015</i>)
<i>Đối tượng không phải đăng ký khai sinh</i>	Trẻ em sinh ra mà chỉ sống dưới 24 giờ thì không phải đăng ký khai sinh <u>trừ trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ có yêu cầu</u> (<i>khoản 3 Điều 30 Bộ luật Dân sự năm 2015</i>)
<i>Thời hạn đi đăng ký khai sinh</i>	Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày trẻ được sinh ra ² (<i>khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch năm 2014</i>)
<i>Trách nhiệm đi đăng ký khai sinh</i>	1. Cha hoặc mẹ của trẻ. 2. Nếu cha, mẹ không thể đi đăng ký khai sinh thì những người sau có thể đi đăng ký khai sinh: - Ông/bà/người thân thích khác³ (<i>không cần phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ về các nội dung khai sinh – thể hiện bằng cam đoan trong Tờ khai</i>)

² Trước đây, đăng ký quá hạn sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng hiện quy định này đã bị bãi bỏ

³ Theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: *Người thân thích là người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi 03 đời* (khoản 19 Điều 3).

- Những người cùng dòng máu về trực hệ là những người có quan hệ huyết thống, trong đó, người này sinh ra người kia kế tiếp nhau (khoản 17 Điều 3).

- Những người có họ trong phạm vi 03 đời là những người cùng một gốc sinh ra gồm cha mẹ là đời thứ nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba (khoản 18 Điều 3).

	<i>đăng ký khai sinh “Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật”.</i> - Người được cha, mẹ ủy quyền (<i>phải có văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực</i>). 3. Đối với trẻ bị bỏ rơi, trẻ chưa xác định được cả cha và mẹ: Cá nhân/tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh. <i>(khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch; khoản 5 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)</i>
Thẩm quyền đăng ký khai sinh	1. UBND cấp xã a) Đối với trẻ em xác định được cha, mẹ: UBND cấp xã nơi cư trú⁴ của cha/mẹ đăng ký khai sinh cho các trường hợp sau: - Trẻ em sinh ra ở Việt Nam. - Trẻ em sinh ra ở nước ngoài + chưa được đăng ký khai sinh + về cư trú tại Việt Nam + có cha, mẹ là công dân Việt Nam. <i>(Khoản 1, khoản 2 Điều 7, Điều 13, Điều 35 Luật Hộ tịch; Điều 4, Phụ lục I tại Nghị định số 120/2025/NĐ-CP)</i>

⁴ Theo Điều 11, Điều 19 Luật Cư trú năm 2020; Điều 4 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP thì:

- Nơi cư trú của công dân bao gồm nơi thường trú, nơi tạm trú.

- Trường hợp không xác định được nơi thường trú, nơi tạm trú (do không đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú) thì nơi cư trú của công dân là nơi ở hiện tại của người đó; trường hợp không có địa điểm chỗ ở cụ thể thì nơi ở hiện tại được xác định là đơn vị hành chính cấp xã nơi người đó đang thực tế sinh sống.

Người không có nơi thường trú, nơi tạm trú phải khai báo thông tin về cư trú với Công an cấp xã tại nơi ở hiện tại để kiểm tra, xác minh, thu thập, cập nhật thông tin của công dân về nơi ở hiện tại vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Cơ sở dữ liệu về cư trú, cấp số định danh cá nhân và thông báo cho người đã khai báo về việc đã cập nhật thông tin. Công an cấp xã có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú khi công dân có nhu cầu (gồm các thông tin cơ bản về công dân: Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; dân tộc; tôn giáo; quê quán; nơi đăng ký khai sinh; nơi ở hiện tại; ngày, tháng, năm khai báo cư trú; họ, chữ đệm và tên chủ hộ; quan hệ với chủ hộ; số định danh cá nhân chủ hộ).

Trên cơ sở Giấy xác nhận thông tin về cư trú, UBND cấp xã sẽ giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh.

	<i>* Trường hợp không đăng ký khai sinh tại UBND cấp xã nơi thường trú mà đăng ký khai sinh tại UBND cấp xã nơi tạm trú/cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài: UBND cấp xã, cơ quan đại diện nơi đã đăng ký khai sinh có trách nhiệm thông báo việc đăng ký khai sinh đó cho UBND cấp xã nơi cá nhân đó thường trú (khoản 4 Điều 5 Luật Hộ tịch).</i> <i>b) Đối với trẻ em bị bỏ rơi:</i> UBND cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi thực hiện việc đăng ký khai sinh (khoản 3 Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Điều 4 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; Công văn số 745/HTQTCT-HT ngày 18/4/2016 của Bộ Tư pháp). 2. Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự): Đăng ký khai sinh cho trẻ sinh ra ở nước ngoài + có cha, mẹ là công dân Việt Nam cư trú tại nước ngoài (khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 7 Luật Hộ tịch).
Phương thức đăng ký khai sinh và nhận kết quả	Có 03 phương thức đăng ký khai sinh: 1. Đăng ký trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); nếu trẻ dưới 06 tuổi và chọn quốc tịch Việt Nam thì chọn dịch vụ công liên thông khai sinh, khai tử (https://lienthong.dichvucong.gov.vn). 2. Gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến UBND cấp xã nơi người cha/mẹ cư trú. 3. Trực tiếp đến UBND cấp xã nơi người cha/mẹ cư trú để đăng ký khai sinh cho trẻ. * Nếu trực tiếp đến UBND cấp xã không phải là UBND cấp xã nơi mình thường trú, tạm trú: UBND cấp xã này có trách nhiệm hỗ trợ người dân nộp hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến đến UBND cấp xã nơi thường trú, tạm trú (khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP). (Khoản 1 Điều 9 Luật Hộ tịch, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP – được sửa đổi bởi Điểm b Khoản 3 Điều 2 Nghị định 07/2025/NĐ-CP)

	Có 04 phương thức nhận kết quả: (01) Nhận bản điện tử Giấy khai sinh gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của bản thân. (02) Nhận bản điện tử Giấy khai sinh gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin. (03) Nhận kết quả là bản chính Giấy khai sinh thông qua hệ thống bưu chính <i>(phải ghi rõ địa chỉ nhận kết quả, lựa chọn hình thức dịch vụ bưu chính chuyển phát có bảo đảm và phải trả phí dịch vụ cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính khi nhận kết quả)</i>. (04) Nhận kết quả là bản chính Giấy khai sinh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh. <i>(Khoản 4, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP)</i>
Trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh (cần phân biệt rõ giấy tờ <u>phải xuất trình</u> và giấy tờ <u>phải nộp</u>)	<u>Bước 1. Người đi đăng ký khai sinh xuất trình giấy tờ chứng minh về nhân thân</u> 1. Nếu đi đăng ký khai sinh trực tiếp: Xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân (<i>hộ chiếu, Thẻ căn cước công dân, Thẻ căn cước, Căn cước điện tử, Giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng</i>). * Nếu đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài, chưa đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam, phải xuất trình thêm:

(01) Giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam như: hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh (*điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP*).

(02) Văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam (*điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP*).

2. Nếu gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính: Phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh nhân thân nêu trên.

3. Nếu đăng ký trực tuyến: Nhập thông tin định danh cá nhân, dữ liệu cá nhân sẽ được trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

*** Kể từ ngày 09/01/2025, người đi đăng ký khai sinh không còn phải xuất trình giấy chứng nhận kết hôn của cha mẹ khi đăng ký khai sinh cho trẻ** mà chỉ cung cấp thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn trong Tờ khai đăng ký khai sinh; UBND cấp xã có trách nhiệm tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của cha mẹ trẻ theo quy định (*khoản 10 Điều 2 Nghị định số 07/2025/NĐ-CP*). (*khoản 2 Điều 9 Luật Hộ tịch; khoản 1 Điều 2, Điều 9 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP – sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 5 Điều 2 Nghị định số 07/2025/NĐ-CP*)

Bước 2. Người đi đăng ký khai sinh nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký khai sinh, gồm:

1. Tờ khai đăng ký khai sinh (mẫu tại *Thông tư số 04/2024/TT-BTP*); nếu đăng ký trực tuyến thì điền thông tin tại Tờ khai điện tử.

2. Bản chính giấy chứng sinh. Nếu không có giấy chứng sinh thì:

- Nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh.
- Nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.

	* Nếu đăng ký trực tuyến: Được nộp bản điện tử giấy chứng sinh, trường hợp có mã chứng sinh thì nhập mã chứng sinh – không phải nộp bản giấy. <i>(khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 36 Luật Hộ tịch; khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP – được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; Phụ lục I Nghị định số 120/2025/NĐ-CP)</i> * Giấy tờ <u>nộp thêm</u> trong một số trường hợp đặc biệt: 1. Nếu là trẻ em bị bỏ rơi: Phải có Biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do Chủ tịch UBND cấp xã/Trưởng Công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi tổ chức lập và phải đã hết thời gian niêm yết tìm cha mẹ đẻ của trẻ <i>(khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP)</i>. 2. Nếu là trẻ em sinh ra do mang thai hộ: Phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ <i>(khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch; khoản 1 Điều 16 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP)</i>. 3. Nếu cha/mẹ hoặc cả hai đều là người nước ngoài: Phải có văn bản thỏa thuận của cha mẹ lựa chọn quốc tịch cho con; nếu chọn quốc tịch nước ngoài thì văn bản thỏa thuận đó phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mà người đó là công dân <i>(khoản 1 Điều 36 Luật Hộ tịch)</i>. Tuy nhiên, lưu ý: - Nếu chọn quốc tịch Anh: Đại sứ quán Anh tại Hà Nội và Tổng Lãnh sự quán Anh tại Tp. Hồ Chí Minh không có thẩm quyền xác nhận quốc tịch Anh cho trẻ. Do đó, nếu cha mẹ thỏa thuận chọn quốc tịch Anh, phải có văn bản xác nhận của cơ quan khác có thẩm quyền của Vương quốc Anh và Bắc Ailen về việc trẻ có quốc tịch Anh thì mới được công nhận <i>(Công văn số 436/HTQTCT-HT ngày 13/5/2021 của Bộ Tư pháp)</i>.
--	---

	- Nếu chọn quốc tịch Canada: Đại sứ quán Canada tại Hà Nội, Tổng lãnh sự quán Canada tại Tp. Hồ Chí Minh chỉ xem xét xác nhận việc lựa chọn quốc tịch và cấp Hộ chiếu khi trẻ em đã có giấy khai sinh, không cấp Giấy xác nhận quốc tịch Canada khi cha mẹ trẻ cam kết chọn quốc tịch Canada cho trẻ. Do đó, Bản thỏa thuận của cha mẹ đã được Đại sứ quán Canada tại Hà Nội hoặc Tổng Lãnh sự quán Canada tại Tp. Hồ Chí Minh chứng nhận chữ ký của bên cha/mẹ là công dân Canada được sử dụng (<i>Công văn số 3801/HTQTC-HT ngày 22/7/2015 của Bộ Tư pháp</i>). 4. Nếu là trẻ em sinh ra ở nước ngoài, chưa đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam: Phải có Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con (nếu có). Nếu không có giấy tờ này thì thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em theo thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ không thuộc diện bị bỏ rơi nhưng chưa xác định được cha mẹ (<i>điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 29 dẫn chiếu đến khoản 5 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</i>). <i>(Điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).</i>
	* Lưu ý đối với giấy tờ của nước ngoài: 1. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận sử dụng trong đăng ký khai sinh:

	(01) Phải được hợp pháp hóa lãnh sự⁵ (<i>trừ trường hợp được miễn – Danh sách các nước và các loại giấy tờ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự được đăng tải tại website của Bộ Ngoại giao</i>⁶). (02) Phải được dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực chữ ký người dịch. * <i>Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho cá nhân (như hộ chiếu, thẻ căn cước, thẻ thường trú, thẻ cư trú):</i> Không phải hợp pháp hóa lãnh sự khi chứng thực chữ ký người dịch (<i>Điều 6 Thông tư số 01/2020/TT-BTP</i>). 2. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam (Lào, Campuchia, Trung Quốc) lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký khai sinh ở khu vực biên giới⁷: Được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nhưng phải dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung. <i>(Điều 10 Luật Hộ tịch; khoản 3, 4 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP)</i> <u>Bước 3. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của UBND cấp xã:</u> Sử dụng tài khoản tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống Igate để tra cứu về tình trạng hôn nhân. - Nếu thấy thông tin tình trạng hôn nhân của bố mẹ trẻ là đang có vợ, chồng: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển vào Phần mềm hộ tịch để xử lý tiếp theo. - Nếu thấy thông tin không phù hợp: Yêu cầu bổ sung hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ (<i>tùy thuộc tình trạng thông tin thiếu, không đầy đủ, không đúng với thực tế</i>).
--	--

⁵ **Hợp pháp hóa lãnh sự** là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại Việt Nam (*Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP*), gồm: cơ quan đại diện ngoại giao, đại diện lãnh sự, Cục Lãnh sự, Sở Ngoại vụ Tp.HCM – còn Sở Ngoại vụ tỉnh là được ủy quyền (nếu có).

⁶ <https://lanhsuvietsam.gov.vn/Lists/BaiViet/B%3%A0i%20vi%E1%BA%BFt/DispForm.aspx?List=dc7c7d75%2D6a32%2D4215%2Dafeb%2D47d4bee70ee&ID=755>

⁷ Khoản 1 Điều 6 Luật Biên giới năm 2003: khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền. Hiện tỉnh có các xã Ia R'vê, Ia Lốp, Ea Bung, Buôn Đôn là xã biên giới

(Công văn số 481/BTP-HTQTCT ngày 04/02/2025 và Công văn số 268/HTQTCT-HT ngày 28/02/2025 của Bộ Tư pháp; Công văn số 292/STP-HCBTTP ngày 05/03/2025 của Sở Tư pháp)

Bước 3. Công chức tư pháp:

a) Sử dụng tài khoản trên Phần mềm hộ tịch (<https://hotichdientu.moj.gov.vn>) để tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của bố mẹ trẻ trên Phần mềm này thông qua nghiệp vụ cấp bản sao trích lục hộ tịch

(đăng nhập/chọn mục Cấp bản sao trích lục hộ tịch/vào Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch/chọn Trích lục kết hôn (bản sao)/chọn Tích chọn để tra cứu toàn quốc/điền thông tin (ít nhất phải có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh của vợ/chồng, cơ quan quản lý dữ liệu trực tiếp).

Kết quả tra cứu phải được lưu trữ dưới dạng điện tử hoặc bản giấy, phản ánh đầy đủ, chính xác thông tin tại thời điểm tra cứu và đính kèm hồ sơ của người đăng ký.

b) Trường hợp không tra cứu được tình trạng hôn nhân (do lỗi hệ thống, do không có dữ liệu) hoặc tra cứu được nhưng thông tin không đầy đủ, không chứng minh được tình trạng hôn nhân (ví dụ chỉ có thông tin đã có vợ/chồng nhưng không đủ thông tin về nhân thân, về thời gian, cơ quan đăng ký kết hôn, số và ngày cấp giấy chứng nhận kết hôn....) hoặc có dấu hiệu cho thấy thông tin người yêu cầu cung cấp không đúng sự thật:

- UBND cấp xã đề nghị UBND cấp xã nơi người yêu cầu thường trú/nơi đã đăng ký kết hôn xác minh, cung cấp thông tin.

- UBND cấp xã nơi nhận được đề nghị xác minh có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và gửi kết quả cho cơ quan đề nghị trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

	- Nếu đã gửi xác minh về tình trạng hôn nhân mà không nhận được kết quả phản hồi thì UBND áp dụng quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 04/2020/TT-BTP⁸ để giải quyết. <i>(Công văn số 481/BTP-HTQTCT ngày 04/02/2025 và Công văn số 268/HTQTCT-HT ngày 28/02/2025 của Bộ Tư pháp; Công văn số 292/STP-HCBTTP ngày 05/03/2025 của Sở Tư pháp)</i> c) Nếu thấy thông tin đầy đủ, phù hợp thì: - Tiến hành đăng ký khai sinh trên Phần mềm hộ tịch của Bộ Tư pháp và ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch, cùng người đi đăng ký khai sinh ký tên vào Sổ hộ tịch <i>(không bắt buộc người đi đăng ký khai sinh phải có mặt để ký Sổ hộ tịch)</i>. - Trả kết quả ngay trong ngày tiếp nhận; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. <i>(Khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 36, khoản 3 Điều 5 Luật Hộ tịch; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP)</i>
--	--

⁸ Điều 4. Giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch khi không nhận được kết quả xác minh: *Trường hợp việc đăng ký hộ tịch cần xác minh theo quy định tại khoản 4 Điều 22, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và khoản 4 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Thông tư này, sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp tục giải quyết hồ sơ theo quy định. Đối với trường hợp xác minh về tình trạng hôn nhân thì cho phép người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.*

Điều 5. Trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật: *1. Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. 2. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.*

2. Các nội dung trong Giấy đăng ký khai sinh và cách xác định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người nước ngoài ghi chú				
Căn cước ghi chú				
Nội dung ghi chú (đăng dấu vào nội dung đã ghi chú)				
Ngày tháng năm ghi chú				
STT				

(01) Số: là số thứ tự và năm đăng ký (ví dụ: số 01/2025), được ghi liên tục từ số 01 đến hết năm, không được để trùng số đăng ký; Số tại Giấy khai sinh và số ghi tại đầu trang Sổ đăng ký khai sinh phải trùng khớp nhau

(Mục 3 Hướng dẫn sử dụng tại Sổ đăng ký khai sinh)

(02) Thông tin của Người được đăng ký khai sinh (họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch, số định danh cá nhân)	
Họ (ghi bằng chữ in hoa, có dấu)	1. Xác định theo họ của cha đẻ/hoặc họ của mẹ đẻ (theo thỏa thuận của cha mẹ trong Tờ khai đăng ký khai sinh “Tôi cam đoan..., <u>được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan</u> theo quy định pháp luật”); nếu không có thỏa thuận thì xác định theo tập quán nhưng phải đảm bảo theo họ của cha/mẹ. (Trường hợp mang thai hộ, cha mẹ đẻ là người nhờ mang thai hộ) 2. Nếu chưa xác định được cha đẻ: Họ của con được xác định theo họ của mẹ đẻ. 3. Nếu trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ: - Được nhận làm con nuôi: Xác định theo họ của cha nuôi/họ của mẹ nuôi theo thỏa thuận của cha mẹ nuôi; nếu chỉ có cha nuôi hoặc mẹ nuôi thì xác định theo họ của người đó. - Chưa được nhận làm con nuôi: Xác định theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng trẻ em đó/hoặc người đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ. (Khoản 2 Điều 26 Bộ luật Dân sự; Điều 14 Luật Hộ tịch; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Điều 6 Thông tư số 04/2020/TT-BTP; mục 6 Hướng dẫn sử dụng tại Sổ đăng ký khai sinh)
Chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa, có dấu)	Xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ (thể hiện trong Tờ khai đăng ký khai sinh “Tôi cam đoan..., <u>được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan</u> theo quy định pháp luật”); Nếu cha, mẹ không có thỏa thuận/hoặc không thỏa thuận được thì xác định theo tập quán. * Một số vấn đề cần lưu ý: 1. Tên của công dân Việt Nam: - Phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam (không đặt tên ghép giữa tiếng Việt – tiếng nước ngoài).

	- Không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ. - Không đặt tên quá dài, khó sử dụng (<i>không có hướng dẫn cụ thể như thế nào là tên quá dài nhưng có thể căn cứ khoảng trống dành cho tên trong Giấy khai sinh, Căn cước... để khuyến cáo không nên quá dài</i>). - Không được đặt tên xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự (<i>phân biệt đối xử; vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội; thiện chí, trung thực; xâm phạm đến lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác...</i>). (Điều 14 Luật Hộ tịch; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 6 Thông tư số 04/2020/TT-BTP; mục 6 Hướng dẫn sử dụng tại Sổ đăng ký khai sinh) 3. Cách ghi họ tên: Pháp luật hộ tịch không trực tiếp quy định cách ghi họ tên của một người là <i>họ trước - tên sau</i> hoặc <i>tên trước - họ sau</i> nhưng trong tất cả các văn bản pháp luật từ trước đến nay, nhất là trong các giấy tờ chính thức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam (giấy khai sinh và các giấy tờ cá nhân) đều ghi "họ và tên" (họ trước - tên sau) (Công văn số 4599/BTP-HTQTCT ngày 11/6/2013 của Bộ Tư pháp).
Ngày, tháng, năm sinh	Theo Dương lịch (điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP).
Giới tính, nơi sinh	Xác định theo Giấy chứng sinh do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp; nếu không có Giấy chứng sinh thì xác định theo giấy tờ thay Giấy chứng sinh (văn bản của người làm chứng/giấy cam đoan việc sinh/biên bản xác nhận trẻ bị bỏ rơi/văn bản chứng minh mang thai hộ). * Một số vấn đề cần lưu ý: 1. Nếu trẻ em sinh tại cơ sở y tế (bệnh viện, nhà hộ sinh, trạm y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh): Nơi sinh phải ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của cơ sở y tế đó.

	2. Nếu trẻ em sinh ngoài cơ sở y tế (sinh tại nhà, sinh trên phương tiện giao thông, trên đường, trong trại tạm giam, trại giam hoặc tại địa điểm khác): Nơi sinh ghi địa danh hành chính thực tế nơi trẻ em sinh ra, ghi đủ 02 cấp đơn vị hành chính. 3. Nếu trẻ em sinh ở nước ngoài: Nơi sinh ghi theo tên thành phố và tên quốc gia, nơi trẻ em được sinh ra. 4. Nếu trẻ em sinh ra tại quốc gia liên bang: Nơi sinh ghi tên thành phố, tên tiểu bang và tên quốc gia đó. (Điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch; Mục 6 Hướng dẫn sử dụng tại Sổ đăng ký khai sinh)
Dân tộc	1. Xác định theo dân tộc của cha đẻ/mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha, mẹ (thể hiện trong Tờ khai đăng ký khai sinh “Tôi cam đoan..., <u>được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan</u> theo quy định pháp luật”). 2. Nếu cha, mẹ không có thỏa thuận/hoặc không thỏa thuận được: Xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo dân tộc của cha/mẹ. Nếu tập quán khác nhau thì dân tộc của con được xác định theo tập quán của dân tộc ít người hơn. 3. Nếu trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ: - <i>Được nhận làm con nuôi:</i> Xác định theo dân tộc của cha nuôi hoặc mẹ nuôi theo thỏa thuận của cha mẹ nuôi. Nếu chỉ có cha nuôi hoặc mẹ nuôi thì dân tộc của trẻ em được xác định theo dân tộc của người đó. - <i>Chưa được nhận làm con nuôi:</i> Xác định theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng trẻ hoặc theo đề nghị của người đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ em vào thời điểm đăng ký khai sinh cho trẻ em. (Khoản 2 Điều 29 Bộ luật Dân sự; Điều 14 Luật Hộ tịch; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; khoản 2 Điều 6 Thông tư số 04/2020/TT-BTP) * Một số vấn đề cần lưu ý: 1. Việc ghi thành phần dân tộc: Xác định và ghi theo Danh mục tên gọi các dân tộc ban hành kèm theo

	Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục Thống kê (Có danh mục kèm theo). 2. Trường hợp công dân có nguyện vọng ghi dân tộc theo “tên gọi khác”: Thực hiện theo hướng dẫn mới nhất của Ủy ban Dân tộc (ghi tên nhóm nhỏ hoặc tên gọi khác trước, sau đó đóng mở ngoặc ghi tên chính thức của dân tộc), ví dụ: Pa-co (Ta-ôi), hoặc Ta-ôi (Pa-hi)... nhưng việc xác định tên gọi khác của dân tộc vẫn phải xác định trên cơ sở giấy tờ, hồ sơ của cá nhân hoặc của cha, mẹ trẻ em. (Công văn số 196/HTQTCT-HT ngày 10/3/2017 của Bộ Tư pháp)
Quốc tịch	1. Đối với trẻ em sinh ra trong/ngoài lãnh thổ Việt Nam: - Cha, mẹ đều là công dân Việt Nam: Có quốc tịch Việt Nam. - Cha/mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là người không quốc tịch; hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn cha không rõ là ai: Có quốc tịch Việt Nam. 2. Trẻ em sinh ra có cha/mẹ là công dân Việt Nam, người kia là công dân nước ngoài: - Nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi đăng ký khai sinh: Có quốc tịch Việt Nam. - Nếu cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con nhưng trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam: Có quốc tịch Việt Nam (cha mẹ phải có văn bản cam đoan về việc không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con và chịu trách nhiệm về việc cam đoan này). - Nếu cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho trẻ: Phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà cha/mẹ trẻ là công dân. Nếu không có xác nhận thì phần quốc tịch để trống (khoản 1 Điều 36 Luật Hộ tịch; khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP). * Lưu ý:

	- Đại sứ quán Anh tại Hà Nội và Tổng Lãnh sự quán Anh tại Tp. Hồ Chí Minh không có thẩm quyền xác nhận quốc tịch Anh cho trẻ: Nên khi khai sinh tại Việt Nam, nếu không chọn quốc tịch Việt Nam, không có văn bản xác nhận của cơ quan khác có thẩm quyền của Vương quốc Anh và Bắc Ailen về việc trẻ có quốc tịch Anh thì phần ghi về quốc tịch của trẻ sẽ để trống (Công văn số 436/HTQTCT-HT ngày 13/5/2021 của Bộ Tư pháp). - Đại sứ quán Canada tại Hà Nội, Tổng lãnh sự quán Canada tại Tp. Hồ Chí Minh chỉ xem xét xác nhận việc lựa chọn quốc tịch và cấp Hộ chiếu khi trẻ em đã có giấy khai sinh, không cấp Giấy xác nhận quốc tịch Canada khi cha mẹ trẻ cam kết chọn quốc tịch Canada cho trẻ. Do đó, Đại sứ quán đề nghị Việt Nam chấp nhận Bản thỏa thuận của cha mẹ đã được Đại sứ quán Canada tại HN/Tổng Lãnh sự quán Canada tại Tp.HCM chứng nhận chữ ký của bên cha/mẹ là công dân Canada (Công văn số 3801/HTQTC-HT ngày 22/7/2015 của Bộ Tư pháp). 3. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam; <u>hoặc</u> khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai: Có quốc tịch Việt Nam. 5. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai: Có quốc tịch Việt Nam. (Điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Điều 15, 16, 17, 18 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 - sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 9 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP)
Quốc quán	Xác định theo quê quán của cha/mẹ theo thỏa thuận của cha, mẹ <u>hoặc</u> theo tập quán được ghi trong Tờ khai khi đăng ký khai sinh. Nếu không thỏa thuận được: Xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo quê quán của cha/mẹ.

	(Điểm đ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, khoản 8 Điều 4 Luật Hộ tịch; khoản 2 Điều 6 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)
Số định danh cá nhân (chỉ cấp cho người mang quốc tịch Việt Nam)	1. Nếu trẻ có quốc tịch Việt Nam: Số định danh được cấp khi đăng ký khai sinh theo quy định pháp luật về căn cước (điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP – sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 07/2025/NĐ-CP). 2. Nếu trẻ được chọn quốc tịch nước ngoài: Số định danh bỏ trống (khoản 2 Điều 36 Luật Hộ tịch) * <u>Số định danh cá nhân</u> là dãy số tự nhiên gồm 12 số, có cấu trúc gồm 6 số là mã thế kỷ sinh, mã giới tính, mã năm sinh của công dân, mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân ĐKKKS và 6 số cuối là các số ngẫu nhiên; Số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 12 Luật Căn cước công dân năm 2014; Điều 13 Nghị định số 137/2015/NĐ-CP).
(03) Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh (họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú) - Mục “Nơi cư trú” được ghi như sau: + Nếu công dân Việt Nam cư trú ở trong nước: Ghi theo nơi đăng ký thường trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú, thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú. + Nếu công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài: Ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài. - Mục “Giấy tờ tùy thân” của người đi đăng ký khai sinh: Phải ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ. (Khoản 3, khoản 4 Điều 31 Thông tư số 04/2020/TT-BTP; Mục 6 Hướng dẫn sử dụng tại Sổ đăng ký khai sinh))	
(04) Thông tin của Người đi đăng ký khai sinh (họ, chữ đệm và tên; giấy tờ tùy thân) Giấy tờ tùy thân phải ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp (Khoản 4 Điều 31 Thông tư số 04/2020/TT-BTP; Mục 6 Hướng dẫn sử dụng tại Sổ đăng ký khai sinh)	

(05) Nơi đăng ký khai sinh: Phải ghi đúng tên cơ quan có thẩm quyền đăng ký khai sinh và ghi đủ địa danh hành chính 02 cấp (xã, tỉnh); nếu đăng ký khai sinh tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, về ghi chú đăng ký khai sinh thì ghi tên của Cơ quan đại diện và tên quốc gia nơi có trụ sở của Cơ quan đại diện đó.

(Khoản 5 Điều 31 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)

(06) Ngày tháng năm đăng ký: Theo Dương lịch *(điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP)*.

(07) Mặt sau của Giấy đăng ký khai sinh: Dùng để ghi chú những thông tin thay đổi sau này như thay đổi họ tên; cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc; nhận cha, mẹ.....

3. Một số trường hợp đặc biệt trong đăng ký khai sinh

1. Đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi	1. Người phát hiện trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm: (01) Bảo vệ trẻ; (02) Thông báo ngay cho UBND hoặc công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi <i>(nếu trẻ bị bỏ rơi tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo)</i>. 2. Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Trưởng công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm tổ chức lập Biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi ngay sau khi nhận được thông báo. - Biên bản phải ghi rõ: (01) Thời gian, địa điểm phát hiện trẻ bị bỏ rơi; (02) Đặc điểm nhận dạng <i>(như giới tính, thể trạng, tình trạng sức khỏe)</i>; (03) Tài sản hoặc đồ vật khác của trẻ <i>(nếu có)</i>; (04) Họ, tên, giấy tờ chứng minh nhân thân, nơi cư trú của người phát hiện trẻ bị bỏ rơi. - Biên bản phải: (01) Được người lập, người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng <i>(nếu có)</i> ký tên; (02) Đóng dấu xác nhận của cơ quan lập. - Biên bản được lập thành 02 bản <i>(01 bản lưu tại cơ quan lập, 01 bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ)</i>.
---	---

3. UBND cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm:

- Giao trẻ cho cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.
- Niêm yết Biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi tại trụ sở UBND cấp xã trong 07 ngày liên tục.
- Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, UBND cấp xã thông

báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để đăng ký khai sinh cho trẻ (*trường hợp có người nhận nuôi, người này cư trú ở địa bàn khác thì vẫn phải đăng ký khai sinh tại UBND cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi*).

5. Thủ tục đăng ký khai sinh: Người đi đăng ký khai sinh nộp 01 bộ hồ sơ gồm Tờ khai đăng ký khai sinh, Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi.

6. Nội dung đăng ký khai sinh

a) Họ, chữ đệm, tên của trẻ: được xác định theo quy định của pháp luật dân sự (*họ theo cha/mẹ nuôi/theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng/người có yêu cầu đăng ký khai sinh nếu trẻ em đang được người đó tạm thời nuôi dưỡng – khoản 2 Điều 26 Bộ luật Dân sự*).

b) Ngày tháng năm sinh và nơi sinh của trẻ:

Nếu không có cơ sở để xác định ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh của trẻ thì:

- Lấy ngày, tháng phát hiện trẻ bị bỏ rơi là ngày, tháng sinh; căn cứ thể trạng của trẻ để xác định năm sinh.
- Nơi sinh là nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi.

c) Quê quán được xác định theo nơi sinh (*nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi*)

d) Quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam.

	đ) Phần khai về cha, mẹ và dân tộc của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ hộ tịch để trống; trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ bị bỏ rơi” (nhưng theo khoản 2 Điều 29 Bộ luật Dân sự thì dân tộc xác định theo cha/mẹ nuôi/theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng trẻ em đó/theo đề nghị của người đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ em vào thời điểm đăng ký khai sinh cho trẻ em - như vậy, thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự). (Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP)
2. Kết hợp giải quyết việc đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con	1. Thẩm quyền đăng ký khai sinh: UBND cấp xã nơi cư trú của cha/mẹ giải quyết 2. Hồ sơ đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con bao gồm: a) Tờ khai đăng ký khai sinh, Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu quy định; b) Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay thế Giấy chứng sinh (<i>văn bản của người làm chứng/Biên bản cam đoan việc sinh</i>). c) Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con (<i>văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con hoặc các bên lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con có ít nhất 02 người làm chứng về mối quan hệ cha mẹ con – UBND cấp xã có quyền từ chối giải quyết/đề nghị cơ quan thẩm quyền huỷ bỏ kết quả đăng ký hộ tịch nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật</i>). 3. Trình tự, thủ tục giải quyết việc đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con như bình thường. Giấy khai sinh và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con được cấp đồng thời cho người yêu cầu. Khi nhận kết quả, cả bên nhận và bên được nhận là cha mẹ con đều phải có mặt. (Điều 15, Điều 14, khoản 5 Điều 3 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)

3. Đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ	1. Thẩm quyền đăng ký khai sinh: UBND cấp xã nơi trẻ đang cư trú. 2. Thông tin khai sinh: <i>a) Nếu chưa xác định được cha:</i> Họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ để trống. Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì UBND cấp xã kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh; nội dung đăng ký khai sinh được xác định theo quy định thông thường. <i>b) Nếu chưa xác định được mẹ</i> (nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, có con, người con sống cùng người cha và người cha đi đăng ký khai sinh cho con): - Người cha phải làm đồng thời cả 02 thủ tục (01) Đăng ký nhận cha con; (02) Đăng ký khai sinh cho con. - UBND cấp xã kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh (<i>nếu người cha không làm thủ tục đăng ký nhận cha con mà chỉ làm thủ tục đăng ký khai sinh thì đăng ký cho trẻ theo hướng trẻ chưa xác định được cả cha và mẹ như trên</i>). + Nếu không liên hệ được với người mẹ: Không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha con. + Nếu có Giấy chứng sinh và giấy tờ tùy thân của người mẹ: Phần khai về người mẹ được ghi theo Giấy chứng sinh và giấy tờ tùy thân của người mẹ. + Nếu không có Giấy chứng sinh và giấy tờ tùy thân của người mẹ: Ghi theo thông tin do người cha cung cấp; người cha chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp.
---	---

	+ Nếu không có thông tin về người mẹ: Phần khai về mẹ trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ em để trống. <i>c) Nếu không thuộc diện bị bỏ rơi nhưng chưa xác định được cả cha và mẹ:</i> UBND cấp xã niêm yết thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ trong 07 ngày. Hết thời hạn niêm yết, không có thông tin thì thông báo cho tổ chức, cá nhân đang nuôi dưỡng trẻ đi đăng ký khai sinh theo thủ tục như trẻ bị bỏ rơi. - Họ, chữ đệm, tên của trẻ xác định theo quy định của pháp luật dân sự (<i>như trẻ bị bỏ rơi</i>) - Nếu không có cơ sở để xác định ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh của trẻ thì lấy ngày, tháng phát hiện trẻ bị bỏ rơi là ngày, tháng sinh; căn cứ thể trạng của trẻ để xác định năm sinh; - Nơi sinh là nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi; - Quê quán được xác định theo nơi sinh; - Quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam. - Phần khai về cha, mẹ và dân tộc của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ hộ tịch để trống (<i>dân tộc xác định như trẻ bị bỏ rơi</i>); trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ”. <i>(Điều 15, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; khoản 1 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)</i>
4. Đăng ký khai sinh lưu động	1. Trường hợp thực hiện đăng ký khai sinh lưu động: UBND cấp xã thực hiện đăng ký khai sinh lưu động khi trẻ em thuộc 01 trong các trường hợp sau: - Cha mẹ bị khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký khai sinh cho con. - Cha mẹ bị bắt, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù mà không còn ông bà nội, ngoại và người thân thích khác hoặc có nhưng những người này không thể đi đăng ký khai sinh cho trẻ.

- Trường hợp khác do UBND cấp xã quyết định trên cơ sở điều kiện thực tế của địa phương.

(Khoản 1, khoản 2 Điều 24 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)

2. Tổ chức thực hiện: UBND cấp xã có trách nhiệm bố trí thời gian, kinh phí, nhân lực để thực hiện đăng ký khai sinh lưu động với hình thức phù hợp *(Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)*

3. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a) Công chức tư pháp chuẩn bị đầy đủ các loại mẫu Tờ khai, giấy tờ khai sinh và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.

b) Tại địa điểm đăng ký khai sinh lưu động, công chức tư pháp:

- Hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai *(nếu họ không biết chữ thì công chức tư pháp trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Tờ khai)*.

- Kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh.

- Viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ *(thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận)*.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh và ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng ký khai sinh.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp:

- Đem theo Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động.

	- Hướng dẫn người dân ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ đăng ký khai sinh theo quy định <i>(nếu họ không biết chữ thì công chức tư pháp phải đọc lại nội dung Giấy khai sinh cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Sổ hộ tịch)</i>. - Tại mục Ghi chú trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Đăng ký lưu động”. <i>(Điều 25 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)</i>
--	---

4. Quy trình liên thông điện tử Nhóm thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi từ ngày 01/7/2024 (theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP)

Người yêu cầu	Truy cập vào Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc trên ứng dụng VNeID, lựa chọn mục “Dịch vụ công liên thông khai sinh, khai tử” để nộp hồ sơ trực tuyến và lệ phí theo quy định⁹. Hồ sơ gồm: 1. Tờ khai điện tử. 2. Dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh được liên thông từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với Phần mềm dịch vụ công liên thông <i>(trường hợp không có giấy chứng sinh thì đính kèm văn bản của người làm chứng/Biên bản cam đoan việc sinh)</i>. * Nếu đăng ký thường trú cho trẻ em khác nơi thường trú của cha, mẹ (được cha, mẹ đồng ý) thì đính kèm các thành phần hồ sơ theo quy định pháp luật về cư trú.
----------------------	--

⁹ Phí, lệ phí của hồ sơ đăng ký khai sinh (nếu có) có thể thanh toán trực tuyến theo thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng VNeID hoặc Hệ thống Igate hoặc thanh toán trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của UBND cấp xã

Giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh	1. Tổng thời gian giải quyết cả 03 thủ tục hành chính: Không quá 03 ngày làm việc kể từ khi các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, trường hợp phải xác minh thì không quá 05 ngày làm việc. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì được tính bắt đầu từ ngày làm việc tiếp theo. 2. Quy trình giải quyết: a) Hồ sơ được Phần mềm dịch vụ công liên thông¹⁰ chuyển đến Cổng dịch vụ công của tỉnh và gửi thông báo hẹn trả kết quả người yêu cầu qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng VNeID và tin nhắn SMS. b) Cổng dịch vụ công của tỉnh chuyển hồ sơ đăng ký khai sinh điện tử đến Phần mềm hộ tịch. Nếu Phần mềm hộ tịch tiếp nhận thành công, Cổng dịch vụ công của tỉnh phản hồi trạng thái và thông tin của hồ sơ đăng ký khai sinh cho Phần mềm dịch vụ công liên thông. c) Công chức tư pháp thực hiện nghiệp vụ đăng ký khai sinh trên Phần mềm hộ tịch: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, đúng quy định: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ điện tử trên hệ thống, công chức làm công tác hộ tịch thao tác trên Phần mềm hộ tịch, gửi thông tin trạng thái hồ sơ qua Cổng dịch vụ công của tỉnh để chuyển đến Phần mềm dịch vụ công liên thông nhằm thông báo cho người yêu cầu qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng VNeID và tin nhắn SMS (<i>nêu rõ lý do hồ sơ không được tiếp nhận, các thành phần hồ sơ cần bổ sung</i>). Nếu cần bổ sung thành phần hồ sơ thì người yêu cầu có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ trong 07 ngày làm việc; quá thời hạn này không bổ sung được thì hồ sơ bị từ chối. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định: Giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh ngay trong ngày làm việc kể từ khi Phần mềm hộ tịch nhận đủ hồ sơ
--	--

¹⁰ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2024/NĐ-CP: 1. Phần mềm dịch vụ công liên thông là nơi tiếp nhận, kê khai thông tin, dữ liệu từ người dùng và phân tách thông tin, dữ liệu hồ sơ gửi đến Phần mềm nghiệp vụ của các Bộ, cơ quan: Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

(sau khi có kết quả, Phần mềm hộ tịch sẽ tự động chuyển bản điện tử Giấy khai sinh đến Cổng dịch vụ công của tỉnh để đồng bộ với Phần mềm dịch vụ công liên thông).

Phần mềm dịch vụ công liên thông phân tách, chuyển hồ sơ điện tử (bao gồm biểu mẫu, tờ khai người yêu cầu đã kê khai, bản điện tử Giấy khai sinh) đến Hệ thống thông tin quản lý cư trú để thực hiện đăng ký thường trú; đồng thời chuyển đến Hệ thống thông tin ngành Bảo hiểm xã hội để thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Nếu có sai sót trong bản điện tử Giấy khai sinh: Hệ thống thông tin quản lý cư trú, Hệ thống thông tin của ngành Bảo hiểm xã hội trả lại hồ sơ cho Phần mềm dịch vụ công liên thông; Phần mềm dịch vụ công liên thông gửi thông báo thông qua Cổng dịch vụ công của tỉnh để UBND cấp xã chỉnh sửa, xử lý Giấy khai sinh theo quy định và thông báo cho người yêu cầu).

**** Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phát sinh liên quan đến cấp số định danh cá nhân,*** công chức làm công tác hộ tịch cập nhật vướng mắc trên Phần mềm hộ tịch (Bộ Tư pháp tổng hợp, chuyển Bộ Công an; Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra, xử lý và trả kết quả xử lý trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận các vướng mắc từ Bộ Tư pháp).

**** Việc đồng bộ hồ sơ giữa các hệ thống được thực hiện chậm nhất không quá 10 phút ngay sau khi giải quyết xong thủ tục.*** Cơ quan tiếp nhận thông tin, hồ sơ phải phản hồi trạng thái tiếp nhận trong thời gian không quá 2 giờ làm việc kể từ khi nhận được thông tin dữ liệu từ Phần mềm dịch vụ công liên thông (nếu quá thời gian trên mà chưa nhận được phản hồi thành công thì Phần mềm dịch vụ công liên thông gửi cảnh báo cho hệ thống của các bên liên quan để cán bộ kỹ thuật thực hiện xử lý ngay trong ngày làm việc).

<i>Trả kết quả</i> <i>(bản điện tử, bản giấy của Giấy khai sinh)</i>	1. Bản điện tử: Các hệ thống tự động gửi đến người yêu cầu qua kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng VNeID và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. 2. Bản giấy (bản chính kèm trích lục nếu có yêu cầu): Trả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của UBND cấp xã hoặc qua bưu chính theo yêu cầu của người dân.
	<i>Bản giấy của Thông báo kết quả giải quyết đăng ký thường trú và bản giấy của Thẻ bảo hiểm y tế: Được trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của UBND cấp xã hoặc tại Bộ phận Một cửa của cơ quan Công an, Bảo hiểm xã hội hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo đề nghị của người yêu cầu.</i>

III. ĐĂNG KÝ KHAI SINH:

(01) CHO NGƯỜI ĐÃ CÓ GIẤY TỜ CÁ NHÂN; (02) ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH

Nội dung	Đăng ký khai sinh cho người đã có giấy tờ cá nhân (Điều 8 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)	Đăng ký lại khai sinh
1. Đối tượng được đăng ký	- Người chưa được đăng ký khai sinh nhưng đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (<i>bản chính hoặc bản sao được chứng thực hợp lệ</i>) như giấy tờ tùy thân; Sổ hộ khẩu; Sổ tạm trú; giấy tờ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp (<i>nếu là người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì các giấy tờ này phải ghi nơi sinh tại Việt Nam</i>). - Nay có yêu cầu đăng ký khai sinh (<i>người yêu cầu phải còn sống tại thời điểm yêu cầu đăng ký khai sinh</i>).	- Đã được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy khai sinh đều bị mất. - Nay có yêu cầu đăng ký lại khai sinh (<i>người yêu cầu phải còn sống tại thời điểm yêu cầu đăng ký lại</i>) (Điều 24, Điều 40 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP)
2. Thẩm quyền giải quyết	1. Nếu là người Việt Nam: UBND cấp xã nơi người đó cư trú tiến hành đăng ký khai sinh. 2. Nếu là người Việt Nam định cư ở nước ngoài: UBND cấp xã nơi người đó cư trú trước khi xuất cảnh tiến hành đăng ký khai sinh.	1. UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc UBND cấp xã nơi người yêu cầu thường trú tiến hành đăng ký lại khai sinh. 2. Trường hợp khai sinh trước đây đăng ký tại UBND tỉnh/Sở Tư pháp:

		- Việc đăng ký lại do UBND cấp xã nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện. - Nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì do UBND cấp xã nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện (<i>UBND phường Buôn Ma Thuột</i>). (Điều 25, Điều 41 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Điều 4 Nghị định 120/2025/NĐ-CP)
3. Phương thức thực hiện	<i>Như Mục II</i>	
4. Giấy tờ phải xuất trình	<i>Như Mục II</i>	
5. Hồ sơ phải nộp (01 bộ)	1. Tờ khai đăng ký khai sinh. 2. Văn bản cam đoan chưa được đăng ký khai sinh. 3. Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu/hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác có các thông tin liên quan đến nội dung khai sinh của người đó (nếu người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang: Ngoài các giấy tờ trên <u>phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về</u>	1. Tờ khai đăng ký lại khai sinh (trong đó có cam đoan về việc <u>đã đăng ký khai sinh</u> nhưng không lưu giữ được bản chính Giấy khai sinh). 2. Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu/hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác có các thông tin liên quan đến nội dung khai sinh của người đó. (nếu người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang: Ngoài các giấy tờ trên <u>phải có văn</u>

	<i>những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý)</i>	<i>bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý)</i> (Điều 26, Điều 42 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP)
	* Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ sau đây là cơ sở để xác định nội dung đăng ký khai sinh: 1. Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; 2. Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; 3. Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; 4. Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân. * Người yêu cầu có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và cam đoan về việc đã	* Giấy tờ, tài liệu là cơ sở đăng ký lại khai sinh: 1. Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (<i>bản sao được công chứng, chứng thực hợp lệ, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh</i>). 2. Bản chính hoặc bản sao <u>giấy tờ có giá trị thay thế</u> Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam (<i>chứng thư khai sinh, thế vì khai sinh, án thế vì khai sinh...</i>) 3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ nêu trên thì Giấy chứng minh cha con, mẹ con do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ là cơ sở để xác định nội dung đăng ký lại khai sinh.

	nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật <i>* Tại thời điểm đăng ký khai sinh, nếu thông tin về cha, mẹ và của bản thân người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có thay đổi:</i> Người đó có trách nhiệm xuất trình giấy tờ hợp lệ chứng minh việc thay đổi.	* Người yêu cầu có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có. Nếu người yêu cầu đăng ký lại khai sinh cam đoan không đúng sự thật, cố ý chỉ nộp bản sao giấy tờ có lợi để đăng ký lại khai sinh thì việc đăng ký lại khai sinh không có giá trị pháp lý. <i>* Tại thời điểm đăng ký lại khai sinh, nếu thông tin về cha, mẹ và của bản thân người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có thay đổi:</i> Người đó có trách nhiệm xuất trình giấy tờ hợp lệ chứng minh việc thay đổi. (Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)
6. Trình tự giải quyết	Công chức tư pháp: Kiểm tra, xác minh hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận. Nếu việc đăng ký khai sinh là đúng theo quy định pháp luật thì thực hiện đăng ký khai sinh như trình tự thông thường. <i>* Nếu nơi yêu cầu đăng ký khai sinh không phải là nơi người đó sinh ra, cư trú trước đây:</i> - UBND cấp xã nơi nhận hồ sơ: Có văn bản gửi UBND cấp xã nơi người yêu cầu cư trú trước đây để	2. Công chức tư pháp: Kiểm tra, xác minh hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận. Nếu việc đăng ký lại khai sinh đúng theo quy định của pháp luật thì thực hiện đăng ký lại khai sinh như trình tự thông thường. <i>* Nếu việc đăng ký lại khai sinh được thực hiện tại UBND cấp xã không phải là nơi đã đăng ký khai sinh trước đây:</i>

	xác minh họ đã đăng ký khai sinh hay chưa, còn lưu giữ Sổ hộ tịch hay không. - UBND cấp xã được đề nghị: Kiểm tra, xác minh, trả lời bằng văn bản trong 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị). Trong 03 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận được kết quả xác minh về việc Sổ hộ tịch nơi đó thể hiện chưa đăng ký khai sinh/không còn lưu giữ Sổ hộ tịch</i>) nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác, đúng quy định thì thực hiện việc đăng ký khai sinh như quy định.	- UBND cấp xã nơi nhận hồ sơ: Có văn bản đề nghị UBND nơi đăng ký khai sinh trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ sổ hộ tịch tại địa phương. - UBND cấp xã được đề nghị: Kiểm tra, xác minh, trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị). Trong 03 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký khai sinh</i>), nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật thì thực hiện việc đăng ký lại khai sinh như quy định.
7. Xác định nội dung khai sinh	1. Nếu hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh: Đăng ký lại theo nội dung đó. 2. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh: Nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên. <i>* Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang:</i> Nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ	1. Nếu người yêu cầu có bản sao Giấy khai sinh trước đây được cấp hợp lệ (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (bản sao được công chứng, chứng thực hợp lệ, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh)) hoặc bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam: Nội dung đăng ký khai sinh được ghi theo nội dung

	trưởng cơ quan, đơn vị về những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.	các giấy tờ này; phần khai về cha, mẹ được ghi theo thời điểm đăng ký lại khai sinh. 2. Nếu người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng - Hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh: Đăng ký lại theo nội dung đó. - Hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh: Nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên. * Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang: Nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.
* Lưu ý:	* Tại thời điểm đăng ký khai sinh:	

1. Nếu địa danh hành chính đã có sự thay đổi so với địa danh ghi trong giấy tờ được cấp trước đây: Ghi theo địa danh hành chính hiện tại (*địa danh hành chính trước đây được ghi vào mặt sau của Giấy khai sinh và mục Ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh*).

2. Trường hợp thông tin về cha, mẹ và của bản thân người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có thay đổi:

- Nếu việc thay đổi thông tin phù hợp quy định pháp luật: Nội dung đăng ký khai sinh được xác định theo thông tin thay đổi (*nội dung thông tin trước khi thay đổi được ghi vào mặt sau của Giấy khai sinh và mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh*).

- Nếu cha, mẹ của người yêu cầu đã chết: Mục “Nơi cư trú” trong Sổ đăng ký khai sinh, Giấy khai sinh ghi: “Đã chết”.

- Nếu giấy tờ của người yêu cầu không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con: UBND cấp xã có văn bản đề nghị Công an cấp xã xác minh.

- + Nếu có kết quả xác minh: Thực hiện theo kết quả xác minh.

- + Nếu cơ quan công an trả lời không có thông tin hoặc sau 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu mà không nhận được văn bản trả lời: Cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.

*** Văn bản của các tỉnh thành về việc không còn lưu Sổ hộ tịch trước năm 1975 kèm theo Tài liệu này**

IV. GHI VÀO MỤC GHI CHÚ SỔ ĐĂNG KÝ KHAI SINH VIỆC THAY ĐỔI CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN

ĐẾN HỘ TỊCH THEO BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

(gồm: Thay đổi về quốc tịch; xác định cha mẹ con; xác định lại giới tính; nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; tuyên bố hoặc huỷ tuyên bố một người mất tích, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự - khoản 1 Điều 3 Luật Hộ tịch; điểm a, b, c, d, g khoản 6 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)

Thẩm quyền	UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh cho công dân <i>(nếu trước đây đăng ký tại UBND cấp huyện thì UBND cấp xã nơi lưu sổ đăng ký khai sinh; nếu trước đây đăng ký tại UBND tỉnh/Sở Tư pháp thì UBND cấp xã nơi có trụ sở của UBND tỉnh/Sở Tư pháp)</i> <i>(Điều 7, khoản 1 Điều 48 Luật Hộ tịch; Điều 4 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; khoản 8 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)</i>
Trình tự, thủ tục	1. TAND, cơ quan nhà nước đã ban hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân: Phải có văn bản thông báo kèm trích lục bản án, bản sao quyết định đến UBND cấp xã để ghi vào Sổ đăng ký khai sinh <i>(trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật)</i>. 2. Công chức tư pháp: Ghi nội dung thay đổi vào mục Ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh ngay sau khi nhận được thông báo <i>(nếu Sổ đăng ký khai sinh hiện lưu tại UBND xã khác thì gửi thông báo kèm theo bản chụp trích lục bản án, bản sao quyết định tới cơ quan đang lưu trữ Sổ để ghi tiếp vào Sổ)</i>. Nội dung ghi chú phải ghi rõ ngày, tháng, năm tiến hành ghi chú, thông tin hộ tịch có sự thay đổi và tên loại giấy tờ, số, tên cơ quan, ngày, tháng, năm cấp giấy tờ là căn cứ để thực hiện việc ghi chú.

* Nếu người có thông tin hộ tịch thay đổi cung cấp trích lục bản án, bản sao quyết định hợp lệ, đã có hiệu lực pháp luật:

- UBND cấp xã cũng thực hiện ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, đồng thời ghi chú nội dung thay đổi vào mặt sau của bản chính Giấy khai sinh.

- Trường hợp UBND cấp xã không phải là cơ quan đã đăng ký khai sinh trước đây: Ghi chú nội dung thay đổi vào mặt sau của bản chính Giấy khai sinh; đồng thời gửi bản chụp trích lục bản án, bản sao quyết định đến cơ quan đăng ký khai sinh trước đây để ghi vào Sổ đăng ký khai sinh.

(Điều 30, Điều 31 Luật Hộ tịch; Điều 21, khoản 6 Điều 29, khoản 9 Điều 31 Thông tư 04/2020/TT-BTP)

V. GHI VÀO SỔ ĐĂNG KÝ KHAI SINH VIỆC KHAI SINH ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ Ở NƯỚC NGOÀI

(công dân Việt Nam sinh ra và đã được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, nay về Việt Nam và có đề nghị ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh thì UBND cấp xã thực hiện việc ghi Sổ đăng ký khai sinh, cấp Trích lục ghi vào Sổ đăng ký khai sinh việc khai sinh và bản sao Giấy khai sinh cho người có yêu cầu – khoản 1 Điều 22, khoản 7 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)

Thẩm quyền	UBND cấp xã nơi người yêu cầu cư trú (<i>điểm c khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 48 Luật Hộ tịch; Điều 4 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP</i>)
Thủ tục	1. Người yêu cầu: Nộp tờ khai theo mẫu quy định và bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh các việc này đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho UBND cấp xã. 2. Công chức làm công tác hộ tịch kiểm tra hồ sơ, nếu thấy yêu cầu là phù hợp thì ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, báo cáo lãnh đạo cấp trích lục cho người yêu cầu; trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc <i>(Điều 49 Luật Hộ tịch)</i>
Các trường hợp phát sinh	<u>1. Nếu Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp ghi quốc tịch là quốc tịch Việt Nam:</u> UBND cấp xã ghi vào Sổ hộ tịch, cấp Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh và bản sao Giấy khai sinh cho người yêu cầu (<i>khoản 1 Điều 22 Thông tư số 04/2020/TT-BTP</i>). <u>2. Nếu Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp ghi quốc tịch của trẻ là quốc tịch nước ngoài:</u> Nếu cha mẹ thỏa thuận <u>lựa chọn thêm</u> quốc tịch Việt Nam cho trẻ và việc giữ quốc tịch

nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch¹¹ (*cha mẹ trẻ phải có văn bản cam đoan về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch và chịu trách nhiệm về việc cam đoan này – nếu có căn cứ xác định người yêu cầu cam đoan không đúng sự thật thì không tiếp nhận hồ sơ*): UBND cấp xã nơi trẻ cư trú ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh, cấp trích lục, trẻ có thêm quốc tịch Việt Nam nhưng chỉ ghi quốc tịch Việt Nam, không ghi thêm quốc tịch nước ngoài của trẻ trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định; tên của trẻ có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài (*khoản 2 Điều 16, khoản 4 Điều 5 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 - sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP*).

3. Nếu Giấy khai sinh, giấy tờ đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không ghi quốc tịch của trẻ: Nếu người đó có cha/mẹ là công dân Việt Nam - người kia là người nước ngoài; cha, mẹ có văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con: UBND cấp xã nơi trẻ cư trú ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh, cấp Trích lục, quốc tịch là quốc tịch Việt Nam (*khoản 2 Điều 16 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 - sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP*).

¹¹ Pháp luật của nước đó theo nguyên tắc đa tịch, có nghĩa: (01) Không yêu cầu công dân nước khác phải thôi quốc tịch khi xin nhập quốc tịch nước mình; (02) Không quy định việc tự động mất quốc tịch khi có quốc tịch nước mình

VI. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN

1. Trẻ sinh ra trước, cha mẹ đăng ký kết hôn rồi mới đi đăng ký khai sinh cho trẻ	Nếu vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung: Thông tin về người cha được ghi ngay vào Giấy khai sinh của người con mà không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, con (<i>khoản 3 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP</i>)
2. Người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân – vợ chồng ly hôn – trẻ được sinh ra và đi đăng ký khai sinh	Nguyên tắc: - Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. - Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, thông tin về người cha trong Giấy khai sinh của trẻ xác định theo người chồng trước đây; nếu người chồng/người vợ không thừa nhận đó là con chung của vợ chồng thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định. <i>(Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014)</i>
3. Khai sinh cho trẻ do người vợ sinh ra/có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng: - Vợ/chồng không thừa nhận là con chung. - Hoặc có người khác nhận là cha của trẻ	1. Việc không thừa nhận là con chung hoặc người khác muốn nhận con: Do Tòa án xác định theo quy định pháp luật. 2. Nếu Tòa án từ chối giải quyết: UBND cấp xã tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha. Hồ sơ phải có văn bản từ chối giải quyết của Tòa án.

	Người nhận là cha của trẻ phải có chứng cứ chứng minh quan hệ cha con (<i>văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con</i>) <i>(Khoản 4 Điều 16, khoản 1 Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP)</i>
4. Trẻ sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng cha là người khác	Vẫn đăng ký khai sinh với tên cha là tên người chồng – nếu người cha thực tế có yêu cầu và được Tòa án xác nhận quan hệ cha con thì cải chính giấy khai sinh <i>(Công văn số 5355/HTQTCT-HT ngày 21/10/2014 của Bộ Tư pháp)</i>
5. Đăng ký khai sinh khi không xác định được nơi cư trú, không có bất kỳ giấy tờ tùy thân nào (<i>người di cư tự do/người lang thang đến sinh sống tại địa phương/người đồng bào tại chỗ không có bất kỳ giấy tờ tùy thân gì, không có hộ khẩu thường trú cũng như tạm trú....</i>)	UBND cấp xã nơi người đó đang thực tế sinh sống: - Tiến hành xác minh tàng thư công an. - Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan (<i>công an cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố, hàng xóm....</i>) kiểm tra, xác minh thông tin về nhân thân, quá trình cư trú của người đó. Nếu qua xác minh cho thấy người đó chưa đăng ký khai sinh; không có giấy tờ tùy thân; chưa đăng ký thường trú, tạm trú tại nơi nào và hiện đang sinh sống ổn định trên địa bàn cấp xã thì: - Cho họ lập cam đoan về các nội dung liên quan đến đăng ký khai sinh, thông tin nhân thân, cư trú.

	- Hướng dẫn họ đến Công an cấp xã nơi họ đang thực tế sinh sống, đăng ký nơi ở hiện tại để đăng ký cấp sổ định danh (nếu chưa có), được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và được cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú¹². - Trên cơ sở Giấy xác nhận thông tin về cư trú và thông tin của công dân đã được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, công chức hộ tịch tiến hành giải quyết các thủ tục hộ tịch theo quy định; trường hợp thông tin nào chưa rõ thì bỏ trống. <i>(Công văn số 475/HTQTCT-HT ngày 26/5/2021, Công văn số 926/HTQTCT-HT ngày 29/10/2021 của Bộ Tư pháp; Công văn số 1921/STP-HCBTTP ngày 31/12/2024 của Sở Tư pháp)</i>
6. Đăng ký khai sinh cho trẻ sinh ra không có giấy chứng sinh hoặc có nhưng thông tin không chính xác (mẹ mượn tên người khác/khai tên giả để đi sinh....); mẹ đã mất, cha không xác định được, đang do họ hàng nuôi dưỡng	<i>Giải quyết đăng ký khai sinh theo trường hợp trẻ chưa xác định được cha, mẹ:</i> 1. Về thẩm quyền: Áp dụng khoản 1 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP “1. UBND cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ”. 2. Về thủ tục: Áp dụng khoản 5 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: “5. Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ không thuộc diện bị bỏ rơi, chưa xác định được cha và mẹ được thực hiện như quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Nghị định này; trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ”.

¹² Theo Điều 4 Nghị định 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú (từ ngày 10/01/2025 là Điều 4 Nghị định 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024)

	Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: 3. <i>Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, UBND cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ. Cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em. Thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16¹³ của Luật Hộ tịch.</i> <i>Họ, chữ đệm, tên của trẻ được xác định theo quy định của pháp luật dân sự.</i> <i>Nếu không có cơ sở để xác định ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh của trẻ thì lấy ngày, tháng phát hiện trẻ bị bỏ rơi là ngày, tháng sinh; căn cứ thể trạng của trẻ để xác định năm sinh; nơi sinh là nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi; quê quán được xác định theo nơi sinh; quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam. Phần khai về cha, mẹ và dân tộc của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ hộ tịch để trống; trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ bị bỏ rơi”</i> <i>(Công văn số 1921/STP-HCBTTP ngày 31/12/2024 của Sở Tư pháp)</i>
7. Đăng ký lại khai sinh/đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân: họ cung cấp nhiều loại giấy tờ	1. Xác minh tàng thư bên Công an và xác minh tại thôn, buôn, tổ dân phố để có thông tin chính xác.

¹³ Khoản 2 Điều 16 Luật Hộ tịch: “2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân.

Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch UBND cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh”.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hộ tịch: “1. Nội dung đăng ký khai sinh gồm: a) Thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch; b) Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; c) Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh”.

khác nhau; về nguyên tắc, thông tin sẽ căn cứ theo giấy tờ được cấp hợp lệ đầu tiên nhưng giấy tờ này không đúng thực tế (ví dụ giấy chứng minh là giấy tờ được cấp đầu tiên với năm sinh là 1920 nhưng giấy tờ của anh, chị lại thể hiện anh, chị sinh năm 1960....)	2. Trên cơ sở đó, giải quyết yêu cầu đăng ký lại khai sinh/đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân theo quy định pháp luật. <i>(Công văn số 1921/STP-HCBTTP ngày 31/12/2024 của Sở Tư pháp)</i>
8. Vướng mắc trong quá trình thực hiện liên thông Nhóm thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký khai sinh – đăng ký thường trú – cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	1. Một số thông tin đã nhập trên Cổng dịch vụ công nhưng không cập nhật sang Phần mềm hộ tịch dẫn đến phải nhập lại...: Đề nghị phản ánh trong các nhóm hỗ trợ: Hỗ trợ Đắc Lắc (https://zalo.me/g/vtrqbp533), Đắc Lắc – DVCLT – C06 liên thông (https://zalo.me/g/wdvdhk500) để bộ phận quản lý cập nhật, điều chỉnh việc liên thông giữa hệ thống Igate với Phần mềm hộ tịch. 2. Hồ sơ liên thông, xã đã đăng ký khai sinh xong, đẩy lên trực liên thông nhưng cơ quan công an, bảo hiểm, y tế không nhận được: Theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP, đối với việc thực hiện liên thông trên, hồ sơ sẽ được tự động chuyển đến cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết. - Công chức tư pháp chỉ có trách nhiệm giải quyết việc đăng ký khai sinh và chuyển kết quả (giấy đăng ký khai sinh, trích lục khai tử) lên trực liên thông để các cơ quan liên quan giải quyết tiếp các thủ tục hành chính còn lại. - Kết quả giải quyết từng thủ tục sẽ được thông báo đến tài khoản của công dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia nên trường hợp công dân phản ánh chưa nhận

	được kết quả đăng ký/xóa đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế...., công chức tư pháp hướng dẫn công dân kiểm tra thông tin trên tài khoản của họ và liên hệ với cơ quan chức năng để được giải quyết <i>(Công văn số 1921/STP-HCBTTP ngày 31/12/2024 của Sở Tư pháp)</i>
9. Trước đây bà đi đăng ký khai sinh cho cháu <i>(trong giấy khai sinh không có thông tin bố mẹ và bà họ khác, cháu họ khác)</i>. Nay họ bổ sung các giấy tờ liên quan thì cha, mẹ họ khác, con họ khác	1. Đối với thông tin về cha, mẹ, con: Đề nghị kiểm tra, xác minh thông tin để khẳng định người đó có phải là cha mẹ của trẻ hay không. Nếu có cơ sở, hướng dẫn công dân làm thủ tục nhận cha, mẹ, con để bổ sung thông tin về cha mẹ trong giấy khai sinh của trẻ. 2. Đối với việc khác họ giữa cha, mẹ và con: Kiểm tra, xác minh thông tin để xác định nguyên nhân: - Nếu do sai sót khi đăng ký thì tiến hành cải chính. - Nếu do khi đăng ký khai sinh không xác định được cha mẹ của trẻ nên họ của trẻ được lấy theo họ của người nuôi dưỡng hoặc người đứng đầu tổ chức nuôi dưỡng thì hướng dẫn công dân làm thủ tục thay đổi họ của trẻ theo họ của cha hoặc của mẹ theo quy định pháp luật về dân sự, hộ tịch. <i>(Công văn số 1921/STP-HCBTTP ngày 31/12/2024 của Sở Tư pháp)</i>
9. Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân mà họ của người đề nghị lại khác với họ của cha mẹ <i>(theo giấy tờ, người đề nghị được đăng</i>	Thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (thông tin khai sinh theo thông tin hồ sơ, giấy tờ hợp lệ). Sau khi đăng ký, nếu người đó có yêu cầu cải chính theo họ cha/mẹ thì thực hiện việc cải chính hộ tịch. <i>(Công văn số 822/HTQTCT-HT ngày 12/8/2020 của Bộ Tư pháp)</i>

<i>ký khai sinh là Nguyễn Văn A, có cha là Hồ Văn B; mẹ là Bùi Thị C)</i>	
10. Thời điểm sinh con, bà A có quốc tịch Việt Nam nhưng tại thời điểm đăng ký khai sinh, bà đã thôi quốc tịch Việt Nam và nhập quốc tịch Đài Loan; cơ quan Đài Loan từ chối đăng ký khai sinh, hộ khẩu cho trẻ nên bà A đề nghị cơ quan Việt Nam đăng ký khai sinh	Theo khoản 1 Điều 35 Luật Quốc tịch Việt Nam thì <i>"khi có sự thay đổi về quốc tịch do nhập/trở lại/thôi quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ"</i>. Để đảm bảo quyền đăng ký khai sinh của trẻ, thực hiện đăng ký khai sinh theo Điều 36 Luật Hộ tịch (<i>phần ghi về quốc tịch trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh tạm thời để trống theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP</i>). (Công văn số 431/HTQTCT-HT ngày 24/4/2023 của Bộ Tư pháp)
11. Trẻ sinh ra ở Trung Quốc và được mẹ đưa về Việt Nam, không có giấy tờ về việc nhập cảnh của trẻ vào Việt Nam hoặc có nhưng không hợp lệ (<i>bản chụp, bản chưa hợp pháp hóa lãnh sự...</i>) – nay có đề nghị khai sinh cho trẻ	1. UBND cấp xã phối hợp Công an kiểm tra, xác minh rõ thông tin: (01) Nhân thân của mẹ và con (02) Quá trình nhập cảnh của mẹ và con; (03) Việc cư trú ở địa phương của mẹ con; (04) Quan hệ mẹ con. 2. Nếu không có giấy tờ chứng minh việc nhập cảnh của trẻ và không có bất kỳ giấy tờ nào của cơ quan Trung Quốc về nhân thân của trẻ thì hướng dẫn mẹ: (01) Cam đoan việc sinh; (02) Cam đoan về cha là công dân Trung Quốc; (03) Cam đoan trẻ chưa khai sinh và chưa nhập quốc tịch Trung Quốc cũng như Việt Nam. (04) Việc không có giấy tờ hợp lệ về nhập cảnh và giấy tờ chứng minh quan hệ mẹ con. 3. Sau đó, đăng ký khai sinh cho trẻ: phần khai về cha và quốc tịch để trống. Ghi chú trong Sổ và mặt sau Giấy khai sinh "Trẻ sinh ở nước ngoài, chưa đủ cơ sở xác định cha, quốc tịch".

	<i>(Công văn số 768/HTQTCT-HT ngày 17/9/2021 của Bộ Tư pháp)</i>
12. Cách ghi họ tên, chữ đệm, tên cha mẹ trong giấy tờ hộ tịch nếu có nhiều tên khác nhau:	Họ có trách nhiệm chứng minh các tên đó (ghi khác nhau) là của 01 người; đồng thời có cam kết về việc sử dụng 01 tên để ghi trong giấy khai sinh của con - tuyệt đối không ghi nhiều tên gọi của cha mẹ trong Giấy khai sinh của con Nếu tên gọi của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài trong các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp không có có dấu mà muốn ghi tên thuần Việt trong giấy tờ hộ tịch của Việt Nam cấp thì phải cung cấp chính xác họ, chữ đệm, tên có đầy đủ dấu tiếng Việt. Tên có dấu và tên không dấu phải phù hợp về ký tự (ví dụ <i>Nguyen Thi Hoa</i> thì tên có dấu phải là <i>Nguyễn Thị Hoa/Nguyên Thị Hòa/Hóa/Họa...</i>, <i>Nguyen T. Hoa</i> thì tên có dấu phải là <i>Nguyễn T. Hoa</i>) Nếu cha mẹ có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy chứng nhận kết hôn) thì ghi theo các giấy tờ đó. Nếu trong các giấy tờ đó mà tên cha mẹ khác nhau thì ghi theo giấy tờ hộ tịch (Giấy chứng nhận kết hôn) <i>(Công văn số 1005/HTQTCT-HT ngày 06/7/2016 của Bộ Tư pháp)</i>
13. Cá nhân có nhiều Giấy khai sinh được cấp từ chế độ cũ	Nếu các giấy khai sinh này đều xác thực và hợp lệ (không bị tẩy xóa, sửa chữa...) thì kể cả còn hay không còn Sổ hộ tịch, đều cho người dân tự lựa chọn 01 giấy khai sinh, cam kết tự chịu trách nhiệm về lựa chọn của mình - cơ quan hộ tịch thu hồi, hủy bỏ các giấy khai sinh còn lại và nội dung đăng ký tương ứng trong Sổ hộ tịch. Nếu là cán bộ, công chức, viên chức thì giấy khai sinh được chọn phải phù hợp với

	hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức. Nếu không còn Sổ hộ tịch mà cá nhân có yêu cầu thì cho đăng ký lại <i>(Công văn số 1004/HTQTCT-HT ngày 06/7/2016 của Bộ Tư pháp)</i>
14. Còn giấy khai sinh nhưng không có thông tin ghi trong Sổ hộ tịch	Nếu giấy khai sinh cấp trước ngày 01/4/2006 (ngày Nghị định số 158/2005/NĐ-CP có hiệu lực), biểu mẫu phù hợp với thời điểm cấp, thể thức, thẩm quyền cấp đúng quy định, không bị tẩy xóa, sửa chữa thì giấy khai sinh đó hợp lệ Nếu không còn bản chính/hoặc bản chính bị rách, tẩy xóa, sửa chữa không sử dụng được/hoặc bản chính giấy khai sinh cấp sau ngày 01/4/2006 thì thu hồi giấy khai sinh, hướng dẫn công dân đăng ký lại. <i>(Công văn số 1004/HTQTCT-HT ngày 06/7/2016 của Bộ Tư pháp)</i>
15. Giấy khai sinh có bản chính nhưng đã cũ, mờ, không sao chụp được	Quy vào trường hợp còn nhưng không thể sử dụng được, cho họ đăng ký lại khai sinh để bảo đảm quyền lợi <i>(Công văn số 424/HTQTCT-HT ngày 19/5/2017 của Bộ Tư pháp)</i>
16. Nếu có thông tin sai sót hoặc vô lý (sinh ngày 30/2) khi đăng ký lại ksinh	Kiểm tra xác minh thông tin nào đúng rồi mới thực hiện, không đăng ký theo rồi cải chính <i>(Công văn số 227/HTQTCT-HT ngày 17/3/2017 của Bộ Tư pháp)</i>
17. Đăng ký lại khai sinh của Đảng viên	Tiếp nhận, giải quyết theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 26 NĐ 123/2015/NĐ-CP. Còn Thông báo số 13-TB/TW không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên không áp dụng khi giải quyết các yêu cầu đăng ký hộ tịch <i>(Công văn số 218/HTQTCT-HT ngày 15/3/2017 của Bộ Tư pháp)</i>

	Nếu có hoặc không có bản sao Giấy khai sinh được cấp hợp lệ thì việc xác định nội dung đăng ký ksinh được thực hiện theo khoản 4, 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông báo số 13-TB/TW ngày 17/8/2016 về xác định tuổi Đảng viên <i>(1- Kể từ ngày 18-8-2016, không xem xét điều chỉnh tuổi của đảng viên mà thống nhất xác định tuổi của đảng viên theo tuổi khai trong hồ sơ Lý lịch đảng viên (hồ sơ gốc) khi được kết nạp vào Đảng. Đây là căn cứ, cơ sở để các cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét khi quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; bố trí, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ là đảng viên.)</i> <i>(Công văn số 188/HTQTCT-HT ngày 09/3/2017 của Bộ Tư pháp)</i> Chỉ tiếp nhận, giải quyết nếu có đủ căn cứ, điều kiện theo quy định pl và phù hợp với nội dung Thông báo số 13-TB/TW ngày 17/8/2016 của BCH TW <i>(Công văn số 1482/HTQTCT-HT ngày 31/10/2016 của Bộ Tư pháp)</i>
18. Xác định lại quốc tịch cho công dân định cư nước ngoài - đã có quốc tịch nước ngoài - đã được cấp hộ chiếu - nay muốn đăng ký lại việc sinh và được ghi quốc tịch Việt Nam trong Giấy khai sinh	1. Người yêu cầu có trách nhiệm xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam, gồm: (01) Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam do Sở Tư pháp hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng. (02) Bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam. 2. Muốn biết họ đã thôi quốc tịch hay chưa thì kiểm tra, xác minh bằng cách gửi văn bản đề nghị về Cục Hành chính tư pháp. * Hộ chiếu là loại giấy tờ phải có và là căn cứ để thực hiện đăng ký lại khai sinh: Phải nộp bản dịch có công chứng hoặc chứng thực <i>(còn các trường hợp đăng ký hộ</i>

	<i>tịch khác như kết hôn, cấp bản sao trích lục...thì hộ chiếu là giấy tờ phải xuất trình nên ko cần phải dịch tiếng Việt).</i> <i>(Công văn số 69/HTQTCT-HT ngày 08/02/2017 của Bộ Tư pháp)</i>
19. Đăng ký lại khai sinh tại UBND cấp xã không phải nơi đã đăng ký khai sinh trước đây nhưng UBND cấp xã đó đã sáp nhập/chia tách mà không xác định được xã nào nhận bàn giao của xã cũ/không còn lưu sổ hộ tịch	Cho phép công dân cam đoan <i>(Công văn số 1024/HTQTCT-HT ngày 13/7/2016 của Bộ Tư pháp)</i>

VII. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG VỀ SỐ ĐỊNH DANH

1. Phần mềm hộ tịch báo lỗi khi đề nghị cấp số định danh

Phần mềm báo lỗi số định danh khi đăng ký khai sinh cho người sinh trước năm 2016, đăng ký lại/đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1. Nguyên nhân: Theo quy định, chỉ gửi yêu cầu cấp số định danh đối với <u>đăng ký khai sinh mới</u> cho trẻ em sinh từ ngày 01/01/2016 trở đi nên các trường hợp đăng ký khai sinh cho người sinh trước năm 2016, đăng ký lại/đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân thì Phần mềm sẽ báo lỗi, không cấp số định danh. 2. Xử lý: Hướng dẫn công dân liên hệ Công an cấp xã để được cấp số định danh rồi nhập bổ sung tên Phần mềm, làm thủ tục bổ sung hộ tịch trên giấy tờ hộ tịch, sổ hộ tịch nếu công dân có đề nghị. <i>(Công văn số 4756/BTP-CNTT ngày 18/12/2020, Công văn số 985/HTQTCT-HT ngày 02/11/2022 của Bộ Tư pháp)</i>
Đề nghị cấp số định danh khi đăng ký khai sinh mới cho trẻ em sinh từ ngày 01/01/2016 – 01/7/2021 nhưng Phần mềm vẫn báo lỗi	1. Nguyên nhân: Trong giai đoạn này, do liên thông giữa Phần mềm hộ tịch của Bộ Tư pháp và Phần mềm cấp số định danh của Bộ Công an chưa thông suốt nên bị báo lỗi. 2. Xử lý: Thực hiện thao tác "Gửi xin số định danh cá nhân" đối với trường hợp có lỗi ngày sinh trước ngày 01/7/2021 (do giai đoạn này bị tạm dừng) theo Hướng dẫn trên Phần mềm, tuyệt đối không nhập lại hồ sơ đang báo lỗi, vì sẽ dẫn đến phát sinh trùng dữ liệu <i>(Công văn số 985/HTQTCT-HT ngày 02/11/2022 của Bộ Tư pháp).</i>

Các trường hợp đủ điều kiện cấp số định danh nhưng Phần mềm hộ tịch báo lỗi	Xem chi tiết lỗi và thực hiện theo Hướng dẫn xử lý lỗi tại Phụ lục kèm Công văn số 3160/BTP-CNTT ngày 13/9/2021 của Bộ Tư pháp hoặc Tài liệu hướng dẫn sử dụng của Phần mềm hộ tịch (truy cập Phần mềm, tải về để xem cụ thể).
Quá 24 tiếng mà vẫn chưa được Bộ Công an cấp số định danh	Liên hệ Bộ phận hỗ trợ phần mềm hộ tịch của BTP để được hỗ trợ (gửi lại yêu cầu cấp số): hotich@moj.gov.vn; điện thoại: 1900-8888-24 (nhánh số 1) (Công văn số 3160/BTP-CNTT ngày 13/9/2021 của Bộ Tư pháp)

2. Các trường hợp đăng ký sai giới tính, năm sinh và đã được cấp số định danh, nay cải chính thì phải hủy số định danh cũ, cấp lại số mới; 01 người có 02 số định danh...

Chỉ lập hồ sơ hủy số định danh cá nhân/hủy hồ sơ đăng ký khai sinh đối với những trường hợp sau:

Các trường hợp hủy số ĐDCN/hồ sơ ĐKKS	Đơn vị thực hiện	Thành phần hồ sơ
1. Đăng ký khai sinh sai thẩm quyền hoặc đăng ký khai sinh trái quy định pháp luật, đã được UBND tỉnh ra quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh, nội dung đăng ký khai sinh tương ứng	Công chức hộ tịch lập hồ sơ hủy số ĐDCN gửi Cục Hành chính tư pháp.	1. Bản chụp Công văn đề nghị hủy số định danh cá nhân (theo mẫu gửi kèm theo). 2. Quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh.
2. Cơ quan đăng ký hộ tịch nhập sai dữ liệu về năm sinh, giới tính	- Nếu công dân chưa đăng ký thường trú: Công chức hộ tịch lập hồ sơ hủy số ĐDCN gửi Cục Hành	1. Bản chụp Công văn đề nghị hủy số định danh cá nhân (theo

hoặc sai loại đăng ký (Đăng ký mới nhưng nhập nhầm thành đăng ký lại và ngược lại)	chính tư pháp. Sau khi nhận được trạng thái “Đã hủy số”, công chức hộ tịch thực hiện gửi lại thông tin đề nghị cấp số ĐD mới theo thông tin chính xác, đã chỉnh sửa; hướng dẫn cha, mẹ, người thân thích của trẻ thực hiện thủ tục cải chính số ĐDCN trong nội dung ĐKKS	<i>mẫu gửi kèm theo).</i> 2. Giấy chứng sinh/hồ sơ tài liệu thể hiện việc nhập sai thông tin.
	- Nếu công dân đã đăng ký thường trú: Công chức hộ tịch hướng dẫn công dân nộp hồ sơ đề nghị hủy số ĐDCN trực tiếp tại Công an cấp xã nơi cư trú hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng dịch vụ công Bộ Công an/Ứng dụng VNeID. Sau khi có số định danh mới, Công an cấp xã có văn bản thông báo số ĐDCN và thông tin công dân trong CSDLQG; công chức hộ tịch hướng dẫn cha, mẹ, người thân thích của trẻ thực hiện thủ tục cải chính số ĐDCN trong nội dung ĐKKS.	Công dân kê khai và nộp Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (hủy, xác lập lại số ĐDCN) theo hướng dẫn của Công an cấp xã
3. Đã được xác định lại giới tính hoặc được cải chính năm sinh	Công chức hộ tịch hướng dẫn công dân: - Nộp hồ sơ đề nghị xác lập lại số ĐDCN trực tiếp tại Công an cấp xã nơi cư trú hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng dịch vụ công Bộ Công an/Ứng	Công dân kê khai và nộp Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (hủy, xác lập lại số ĐDCN) theo hướng dẫn của Công an cấp

	dụng VNeID – không lập hồ sơ đề nghị hủy số ĐDCN trong trường hợp này - Sau khi xác lập lại số định danh, Công an cấp xã có văn bản thông báo số ĐDCN và thông tin công dân trong CSDLQG thì hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục cải chính số ĐDCN trong nội dung ĐKKS	xã
4. 01 công dân được cấp 02 số định danh cá nhân hoặc 01 số định danh cá nhân được cấp cho 02 công dân	Cơ quan đăng ký hộ tịch gửi Danh sách về Sở Tư pháp để tổng hợp và gửi thông tin về Cục Hành chính tư pháp để phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội rà soát. Không lập đề nghị hủy khi chưa có văn bản thông báo của Cục Hành chính tư pháp.	

(Quy chế phối hợp số 656/QCPH-HTQTCT-CNTT-C06 ngày 01/6/2023 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an về cấp, hủy, cấp lại và xác lập số định danh cá nhân cho công dân; các Công văn số 960/HTQTCT-HT ngày 19/7/2023, Công văn số 614/CNTT-CĐS ngày 12/09/2023, Công văn số 727/HTQTCT-HT ngày 25/6/2024, Công văn số 530/HCTP-HT ngày 28/5/2025 của Bộ Tư pháp; Công văn số 863/STP-HCBTTP ngày 03/7/2024, Công văn số 874/STP-NV3 ngày 05/6/2025 của Sở Tư pháp)

Phụ lục 01. Mẫu Công văn đề nghị hủy hồ sơ khai sinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...⁽¹⁾**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị hủy thông tin khai sinh
trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử

Kính gửi: Sở Tư pháp

Thực hiện Luật Hộ tịch do Quốc hội Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày .../.../... Ủy ban nhân dân xã/phường ...⁽¹⁾ đã thực hiện đăng ký khai sinh ...⁽²⁾ trên Phần mềm Đăng ký khai sinh điện tử cho trường hợp:

Họ và tên:⁽³⁾

Ngày sinh:⁽⁴⁾

Đã được cấp Số định danh cá nhân số:⁽⁵⁾

Đã vào sổ với số ⁽⁶⁾ trang số thuộc quyển số

Đã đăng ký thường trú ☐ **Chưa đăng ký thường trú** ☐

Tuy nhiên, do ⁽⁷⁾.....

.....

.....

.....

.....

Vậy Ủy ban nhân dân xã/phường...⁽¹⁾ đề nghị Sở Tư pháp hỗ trợ hủy thông tin khai sinh nói trên để Ủy ban có thể nhập lại thông tin mới và kịp thời in, cấp giấy khai sinh cho công dân./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

* **Ghi chú:** Hiện nay, có **04** trường hợp cập nhật sai thông tin trên Phần mềm phải hủy hồ sơ để nhập lại hồ sơ mới bao gồm: **Sai giới tính, sai năm sinh** của người được khai sinh, **sai loại đăng ký** (đăng ký mới nhưng làm nhầm thành đăng ký lại và ngược lại) và **đăng ký sai quy định của pháp luật**.

Đối với những trường hợp sai thông tin khác đều có thể thực hiện thông qua các tính năng “Điều chỉnh thông tin khai sinh” hoặc “Cải chính, thay đổi, bổ sung thông tin” trên phần mềm theo đúng quy định của Pháp luật về Hộ tịch mà không cần gửi công văn về Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực – Bộ Tư pháp.

- (1): Ghi rõ tên địa danh quận/huyện/thị xã/thành phố hoặc xã/phường/thị trấn.
- (2): Trường hợp đăng ký khai sinh mới thì ghi “**mới**”, trường hợp đăng ký lại ghi “**lại**”.
- (3): Ghi rõ họ tên đã được lưu **trên phần mềm** của người được khai sinh.
- (4): Ghi rõ ngày sinh đã được lưu **trên phần mềm** của người được khai sinh.
- (5): Với trường hợp đăng ký khai sinh lần đầu (đăng ký mới) thì ghi rõ Số định danh cá nhân đã được cấp, trường hợp đăng ký lại thì bỏ qua mục này.
- (6): Điền đầy đủ các thông tin vào sổ và phải khớp với các thông tin đã ghi trên sổ giấy.
- (7): Ghi rõ lý do phải hủy thông tin.

Sau khi Lãnh đạo Ủy ban ký số bản điện tử hoặc ký ban hành công văn đề nghị, đề nghị công chức tư pháp hộ tịch chụp bản công văn có chữ ký của Lãnh đạo, đóng dấu của Ủy ban và gửi lên Phần mềm theo hướng dẫn của Tài liệu hướng dẫn sử dụng./.